

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH BẮC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập Tự do Hạnh phúc**

NINH

Bản án số: 15/2018/HNGĐ- ST

Ngày 23 tháng 5 năm 2018

V/v “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN, TỈNH BẮC NINH**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- + *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Đỗ Thế Bình.
- + *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Đỗ Đức Hùng, bà Nguyễn Thị Nhung.
- + *Thư ký phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Thư ký TAND thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.
- + *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Huy Tôn- Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2018 tại trụ sở, Toà án nhân dân thị xã T tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà sơ thẩm xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2017/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/5/2018 giữa:

+ **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị P- Sinh năm 1987

Trú tại: Thôn Quảng Lãm, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Ninh (có mặt).

+ **Bị đơn:** Anh Nguyễn Cao L- Sinh năm 1975.

HKTT: Khu phố 4, C, phường N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh. Nơi làm việc: Công ty TNHH Đông Nam Á - Lào Cai (tức Nhà máy Phốt pho 3, Tầng Loong, Bảo Thắng, Lào Cai (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ, vụ án tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Cao L kết hôn ngày 10/12/2010 trên cơ sở tự nguyện, được UBND phường N, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn chị P về sống cùng gia đình nhà chồng tại khu phố 4, C, N, T, Bắc Ninh. Những năm đầu chung sống, đời sống vợ chồng hòa thuận không có mâu thuẫn, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ cuối năm 2013, đầu năm 2014, nguyên nhân do anh L sử dụng ma túy, ham chơi, đua đòi, không chịu làm ăn,

thiếu quan tâm đến gia đình. Bản thân chị P nhiều lần khuyên can nhưng anh L không thay đổi, dẫn đến vợ chồng thường hay to tiếng cãi vã, không khí gia đình luôn căng thẳng. Đầu năm 2014, thấy không thể tiếp tục sống chung với anh L, chị P bế con về sống cùng bố, mẹ đẻ tại thôn Quảng Lãm, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Ninh, hai người ly thân từ đó. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, chị P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Cao L.

Về con chung: Vợ chồng có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày 02/7/2011, hiện cháu Duy đang sống cùng chị P tại thôn Quảng Lãm, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Ninh. Nếu vợ chồng ly hôn, chị P đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Khánh Duy cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về đóng góp phí tổn nuôi con, chị P không yêu cầu anh L phải đóng góp.

Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Nguyễn Cao L xác nhận thời gian đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân, con chung như chị P trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh L trình bày: Là do tính cách vợ chồng không hợp, bất đồng với nhau về quan điểm sống cộng với việc chị P làm ăn vỡ nợ dẫn đến cuộc sống gia đình rơi vào bế tắc và thường xảy ra cãi vã, năm 2014 chị P tự bế con bỏ về nhà bố mẹ đẻ, vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Nay chị P có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh L đồng ý ly hôn.

Về giao con chung cho người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn, anh L đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Khánh Duy cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Về đóng góp nuôi con anh không yêu cầu chị P phải đóng góp.

Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Anh L cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh L còn trình bày: Hiện nay anh đang làm việc tại Nhà máy Phốt Pho 3, Tầng Loong, Bảo Thắng, Lào Cai, do điều kiện công việc và điều kiện địa lý anh không trực tiếp đến Tòa án làm việc và tham dự phiên tòa xét xử vụ án được. Anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị P giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Cao L.

Về con chung chị P khẳng định việc anh L trình bày chị nợ nần, không đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con là không đúng. Bản thân chị hiện nay không nợ ai tiền hay tài sản, có việc làm và thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cháu Nguyễn Khánh Duy trưởng thành và không yêu cầu anh L phải có nghĩa

vụ cấp dưỡng nuôi con. Ngoài yêu cầu như đã nêu, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết bất cứ nội dung nào khác.

Cũng tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T đánh giá việc chấp hành các quy định pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đảm bảo đúng pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là nghiêm túc, của bị đơn là chưa nghiêm túc.

Về nội dung vụ án: Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, kết hợp với kết quả thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

+ Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trên cơ sở đối chiếu quy định về thẩm quyền xét xử của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Thấy, Tòa án nhân dân thị xã T thụ lý, giải quyết vụ án là có căn cứ. Tại phiên tòa anh Nguyễn Cao L có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, Hội đồng quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Cao L là đúng quy định tại Điều 228 của BLTTDS.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Nguyễn Cao L kết hôn ngày 10/12/2010, việc kết hôn là tự nguyện, tuân thủ đầy đủ điều kiện kết hôn, được UBND phường Đồng Nguyên, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh làm thủ tục kết hôn và chứng nhận đăng ký kết hôn. Nên quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh L là hợp pháp, nếu một trong các bên có yêu cầu “Ly hôn” thì Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân giữa chị P và anh L thấy: Trong thời kỳ hôn nhân đời sống tình cảm vợ chồng giữa chị P và anh L không hạnh phúc, vợ chồng kết hôn được 8 năm, nhưng chỉ thực sự chung sống cùng nhau 04 năm, thời gian còn lại là ly thân. Nay cả anh L và chị P đều xác định tình nghĩa vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được và đều đồng ý ly hôn nên cần chấp nhận giải quyết cho chị P ly hôn với anh L.

+ Về con chung: Chị P và anh L có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Khánh Duy, sinh ngày 02/7/2011. Quá trình giải quyết vụ án, anh L và chị P đều đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho bản thân được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Khánh Duy sau khi ly hôn. Xét nguyện vọng các bên thấy, các bên đều mong muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn là chính đáng, đây là quyền, đồng thời cũng là trách nhiệm, nghĩa vụ của cha, mẹ

đối với con theo luật định. Tuy nhiên xét điều kiện, hoàn cảnh của các bên, cũng như điều kiện ăn ở, sinh hoạt, học tập của con chung là cháu Nguyễn Khánh Duy thì thấy. Chị Phương và anh L đều có việc làm và thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dạy cháu Duy trưởng thành, song xét điều kiện cụ thể của các bên thì hiện nay anh L đang làm việc tại Nhà máy Phốt pho 3, xã Tăng Loong, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, còn chị P đang sống, làm việc tại V, Bắc Ninh. So sánh điều kiện chăm sóc con thấy chị P là người có điều kiện chăm sóc con tốt hơn anh L, bản thân cháu Nguyễn Khánh Duy từ khi sinh ra đến nay đều do chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, hiện cháu lại đang sống và học tập tại thôn Quảng Lãm, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Ninh cùng chị P. Như vậy, căn cứ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng giữa các bên và thực tế sinh hoạt, học tập của con chung như đã phân tích thấy, chị P yêu cầu giao con chung là cháu Nguyễn Khánh Duy cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là thỏa đáng, cần chấp nhận. Về đóng góp nuôi chị P không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức: Các bên không có yêu cầu do vậy cũng không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 21, 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 143, 144, 146, 147, 228, 235, 264, 267, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P

* *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị P ly hôn với anh Nguyễn Cao L.

* *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Khánh Duy- Sinh ngày 02/7/2011 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

* *Về đóng góp nuôi con:* Chị P không yêu cầu, nên không đặt ra giải quyết.

* *Về tài sản chung, công nợ và trích chia công sức:* Các bên đương sự không yêu cầu nên cũng không đặt ra giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ sơ thẩm. Xác nhận chị P đã nộp đủ án phí HNGĐ sơ thẩm theo Biên lai thu số AA/2013/03078 ngày 29/9/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bắc Ninh.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.
Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND thị xã T;
- THADS thị xã T;
- Các đương sự;
- UBND phường Đồng nguyên, TX T;
- Lưu HS, VP.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỪ SƠN
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thế Bình